

CHU TRÌNH DIỄN NGÔN TRONG “CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA” CỦA NGUYỄN MINH CHÂU

Nhận bài:

14 – 08 – 2017

Chấp nhận đăng:

20 – 12 – 2017

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Lê Đức Luận^{a*}, Nguyễn Thị Tăng^b

Tóm tắt: Truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa” là một chu trình diễn ngôn. Chu trình diễn ngôn thể hiện qua 7 tình huống truyện, trong đó có diễn ngôn của tác giả, diễn ngôn nhân vật. Tình huống dẫn nhập bày tỏ ý tưởng nghệ thuật. Các tình huống tiếp theo có ý nghĩa liên nhân: tình huống ý tưởng nghệ thuật; tình huống thể nghiệm ý tưởng nghệ thuật; tình huống trải nghiệm nghệ thuật; tình huống trải nghiệm đời thường; tình huống đánh giá và phán xử. Truyện nêu lên mối quan hệ giữa luật pháp và đời sống, nghệ thuật và cuộc sống; lo lắng trước vấn nạn bạo lực gia đình và giải pháp chấm dứt bạo lực gia đình. Tình huống kết thúc mở ra những trăn trở băn khoăn của tác giả về thân phận người đàn bà hàng chài nói riêng và cuộc sống người dân biển nói chung.

Từ khóa: chu trình diễn ngôn; tình huống truyện; ý tưởng nghệ thuật; tình huống đánh giá và phán xử; bạo lực gia đình; thân phận người đàn bà hàng chài.

1. Dẫn nhập

Mỗi tác phẩm văn học là một diễn ngôn và người đọc tương tác với tác phẩm để nắm được thông điệp mà tác giả thể hiện thông qua các chu trình diễn ngôn. Tác phẩm “Chiếc thuyền ngoài xa” thể hiện hai loại diễn ngôn: diễn ngôn của tác giả và diễn ngôn của nhân vật. Diễn ngôn của tác giả được thông qua nhân vật Phùng hay nói cách khác, tác giả mượn nhân vật Phùng để phát ngôn. Diễn ngôn này với tư cách là một nhân vật tương tác với các nhân vật Đẩu, người đàn ông và người đàn bà hàng chài, Phác con trai của hai người hàng chài, cô y tá.

Đây là tác phẩm đã được các nhà nghiên cứu phân tích khá kỹ nhưng vẫn còn có những chỗ cần bàn thêm. Trong bài viết này, chúng tôi tiếp cận tác phẩm theo điểm nhìn phân tích diễn ngôn mà cụ thể là chu trình diễn ngôn. Chu trình diễn ngôn thể hiện trong chu trình trần thuật của tác phẩm.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm diễn ngôn văn học và chu trình diễn ngôn

2.1.1. Khái niệm diễn ngôn văn học

Khái niệm diễn ngôn có nhiều quan niệm nhưng theo tôi, quan niệm của Ju. Kristeva là khá hợp lí, đúng với diễn ngôn giao tiếp lẫn diễn ngôn văn học: “Tính đối thoại được sinh ra từ bản chất bề sâu của cấu trúc diễn ngôn. Tính đối thoại là nguyên tắc của bất cứ phát ngôn nào” [2]. Tính đối thoại ở đây có thể nên hiểu ở hai phương diện: đối thoại của diễn ngôn lời nói và đối thoại của văn bản mà tác giả là người phát ngôn trực tiếp hoặc gián tiếp. Theo Bakhtin thì diễn ngôn văn học chính là “hình thức nghệ thuật”, là “hình thức tư duy”, “kiểu tư duy”, mà từ đó có nghĩa như là chiến lược phát ngôn của nhà văn [11].

Diễn ngôn văn học, tác giả đối thoại với người đọc theo những mã nghệ thuật và người đọc cần giải mã nghệ thuật mà nhà văn đưa ra. Nguyễn Duy Bình cho rằng “Nhà văn tương tác với người đọc thông qua một “thông điệp” mã hóa, một diễn ngôn được diễn đạt thông qua một văn bản văn học. Thông điệp mà nhà văn muốn chuyển đến người đọc là thông điệp nghệ thuật. “Mã” văn học là hệ thống các kí hiệu văn học có vai trò biểu trưng và chuyển tải thông điệp giữa nhà văn và người đọc. Nhà văn là người làm thao tác cài mã (encodage), còn người đọc là người làm thao tác giải mã (décodage)” [1, tr.209-216].

2.1.2. Khái niệm chu trình diễn ngôn

^aTrường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

^bTrường Trường THPT Chuyên Nguyễn Du, Đắk Lắk

* Liên hệ tác giả

Lê Đức Luận

Email: ldluan@ued.udn.vn

Khái niệm chu trình diễn ngôn vẫn chưa được các nhà nghiên cứu ngôn ngữ và văn học nêu ra cụ thể. Có thể hiểu chu trình diễn ngôn là biểu hiện của cấu trúc diễn ngôn, theo Sara Mills: “Diễn ngôn cần được nhìn nhận như một hệ thống cấu trúc nêu cái cách thức chúng ta nhận biết về hiện thực” [10, tr.55]. Cấu trúc diễn ngôn thể hiện quy trình của một diễn ngôn, theo Olga Rusakova thì có cấu trúc 6 bình diện: “*Chúng tôi xác định diễn ngôn là hệ thống cấu trúc giao tiếp - kí hiệu phức tạp có sáu bình diện cơ bản: chủ định (chủ định quyền uy, chiến lược, ý đồ), bức thiết (phản ánh chủ định quyền uy trong hoạt động thực tiễn có đặc tính kí hiệu - biểu trưng), tiềm năng (xác định và thấu hiểu ý nghĩa, giá trị, bản sắc), ngữ cảnh (mở rộng trường nghĩa trên cơ sở ngữ cảnh văn hoá xã hội, lịch sử và các ngữ cảnh khác), tâm lí (dự trữ tình cảm, nghị lực chứa đựng trong diễn ngôn và cung cấp cho nó sức mạnh khơi gợi), “trầm tích” (dấu ấn của tất cả các bình diện nêu ra ở trên trong ý thức và kinh nghiệm xã hội, trong môi trường được xã hội cấu trúc hoá và vật chất hoá mà hình thức của nó là sự phản ánh của văn hoá)*” [2].

Foucault nói đến “Cái quá trình đảm bảo cho chu trình của văn bản được vận hành”. Ông cũng đề cập đến “trật tự của diễn ngôn” và các thiết chế điều tiết diễn ngôn hay còn gọi là cơ chế diễn ngôn [9, tr.52-77]. Cái quá trình và cơ chế diễn ngôn chính là chu trình diễn ngôn. Đối với tác phẩm văn chương thì Foucault cho rằng “Cái quá trình đảm bảo cho chu trình của văn bản được vận hành bằng sự bình luận về nó đặc biệt quan trọng khi chúng ta xem xét hoạt động phê bình văn chương trong phạm vi nhà trường các cấp” [9, tr.52-77]. Như vậy, theo ông, chu trình diễn ngôn gắn với quá trình khám phá (tức là bình luận) các thông điệp của văn bản nghệ thuật. Trong văn bản văn học, chu trình diễn ngôn chính là quá trình thể hiện các tình huống diễn ngôn nghệ thuật mà qua đó nhân vật diễn ngôn và hành động theo tình huống đó. Chu trình diễn ngôn trong truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa” là cấu trúc trần thuật thể hiện các tình huống nghệ thuật. Trần thuật là phương thức diễn ngôn đặc thù của tác phẩm văn học mà ở đó tác giả gửi thông điệp đến người đọc như một phương thức giao tiếp bằng văn bản nghệ thuật.

2.2. Cấu trúc chu trình diễn ngôn

2.2.1. Tình huống dẫn nhập

Đoạn văn từ đầu cho đến “thế giới tĩnh vật” giới thiệu ông trưởng phòng là người sâu sắc và lẫm lẫm kiến biểu thị qua lời thoại được Phùng kể: “Phải có một bộ sưu tập... 12 bức ảnh nghệ thuật về thuyền và biển...”. Theo Foucault: “quyền lực và tri thức bao hàm một cách trực tiếp lẫn nhau; không có quan hệ quyền lực bên ngoài sự thiết lập có tính chất tương ứng của một trường tri thức và cũng không có bất kì một tri thức nào không bao hàm và thiết lập đồng thời với những quan hệ quyền lực” [9, tr.52-77]. Phát ngôn cầu khiến có hiệu lực của ông trưởng phòng là kiểu phát ngôn quyền lực buộc người cấp dưới phải thi hành. Tri thức ở đây chính là sự hiểu biết về ảnh nghệ thuật mà giữa người nói và người nghe nhận biết được. Phát ngôn của ông trưởng phòng thể hiện một tình huống nghệ thuật là cần bộ sưu tập ảnh lịch Tết có 12 bức ảnh về thuyền và biển. Đoạn văn này làm tình huống dẫn nhập giới thiệu nhân vật trưởng phòng nói về ý tưởng nghệ thuật làm nguyên cơ dẫn đến các tình huống sau.

2.2.2. Tình huống ý tưởng nghệ thuật: Đoạn văn từ “Chúng tôi xách máy... làm được một cái gì”. Phùng thực hiện ý tưởng của trưởng phòng, kết quả là Phùng hài lòng “những gì thu được” nhưng trưởng phòng lại không hài lòng vì thiếu một tấm ảnh cảnh buổi sáng có sương. Foucault cho rằng “Một trong những cơ chế lưu thông của diễn ngôn là bình luận. Những diễn ngôn nhận được sự bình luận của các diễn ngôn khác được coi là những diễn ngôn có hiệu lực và giá trị” [8, tr.51-52]. Sự không hài lòng của trưởng phòng là một bình luận khiến người nghe có một hành động phản hồi. Trưởng phòng muốn Phùng chụp một bức ảnh có vẻ đẹp mờ ảo của cảnh thuyền và biển vào dịp tháng ba có sương, ông khẩn nài: “Anh giúp tôi thêm một cảnh buổi sáng có sương đi”. Phát ngôn của trưởng phòng vừa thể hiện quyền lực vừa có tính bình luận về nghệ thuật nhiếp ảnh. “Cảnh buổi sáng có sương” thể hiện triết lí rằng nghệ thuật phải hoàn hảo, đẹp và có hồn chưa đủ mà phải hấp dẫn, lung linh huyền ảo. Nghệ thuật không chỉ là vẻ đẹp trần trụi, rõ ràng mà phải có cả cái mơ màng, ẩn hiện trong sương khói. Tình huống này dẫn đến tình huống thứ ba.

2.2.3. Tình huống thể nghiệm ý tưởng nghệ thuật:

Đoạn văn bắt đầu “Năm ngày sau... cầm máy ảnh có tên tuổi”. Đây là đoạn văn thể nghiệm ý tưởng nghệ thuật. Đầu tiên, Phùng “quyết định đưa vào tờ lịch tháng bảy khung cảnh người ta đẩy một chiếc thuyền

xuống nước”, “chụp đặc tả những chiếc vai trần của ngư phủ cùng với một hàng bàn chân to bè của họ dậm lún vào cát”. Nhưng ý tưởng này thất bại vì không thể nào “thu được vào ống kính khoảnh khắc chiếc thuyền đập mình xuống nước làm vỡ tung toé từng đám bọt sóng trắng xoá”. Thực tế dẫn đến Phùng cũng “không lấy cảnh sương và cát như trường phòng ở nhà đã gọi ý”. Ở đây thể hiện một điều giữa ý tưởng nghệ thuật và thực tế không phải bao giờ cũng phù hợp. Cuối cùng, Phùng “quyết định thu vào tờ lịch tháng bảy của năm sau cảnh thuyền đánh cá thu lưới vào lúc nhập nhoạng sáng”. Đây là nguyên do dẫn đến tình huống thứ tư.

2.2.4. Tình huống trải nghiệm nghệ thuật: Đoạn văn bắt đầu “Cái gì đã xui khiến... một con dao găm”. Trải nghiệm về “âm thanh của sự làm ăn có cái gì như ma quái ấy vào những đêm thật tối trời và chỉ được nghe thấy vào quãng gần sáng”. Đó là “tiếng của một nhóm thuyền đánh cá đêm bằng vó bè”. Âm thanh ấy là tiếng người, tiếng của gióng tre gõ vào nhau, cả tiếng bơi chèo gõ vào thành mảng. Phùng thấy mình gặp may khi bắt gặp cảnh tượng lao động của những gia đình hàng chài, trong đó diễn ra cảnh gia đình ngư phủ cùng lao động hạnh phúc: “trong khoảng sáng đó sẽ hiện lên trong tầm nhìn thật xa những đường nét của thân hình một người đàn bà đang cúi lom khom, sải cánh tay thật dài về phía trước kéo tấm lưới lên khỏi mặt nước, và phía sau lưng người đàn bà, hình một ngư phủ và một đứa trẻ đứng thẳng trên đầu mũi thuyền, dùng lực toàn thân làm đôn bẫy nâng bổng hai chiếc gọng lưới chĩa thẳng lên trời”. Nhưng bức ảnh đó tuy đẹp nhưng một bức ảnh toàn mỹ lại là “một bức tranh mực tàu của một danh họa thời cổ. Mũi thuyền in một nét mơ hồ lòe nhòe vào bầu sương mù trắng như sữa có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào. Vài bóng người lớn lẫn trẻ con ngồi im phăng phắc như tượng trên chiếc mũi khum khum, đang hướng mặt vào bờ. Tất cả khung cảnh ấy nhìn qua những cái mắt lưới và tấm lưới nằm giữa hai chiếc gọng vó hiện ra dưới một hình thù y hệt cánh một con dơi, toàn bộ khung cảnh từ đường nét đến ánh sáng đều hài hòa và đẹp, một vẻ đẹp thực đơn giản và toàn bích”. Nhà nhiếp ảnh Phùng đã chụp được thần thái cảnh chiếc thuyền từ ngoài biển hướng vào bờ có vẻ đẹp huyền ảo mà anh “khám phá thấy cái chân lí của sự toàn thiện, khám phá thấy cái khoảnh khắc trong ngần tâm hồn” khiến cho anh được “cái khoảnh khắc hạnh phúc tràn ngập tâm hồn mình, do cái đẹp tuyệt đỉnh của

ngoại cảnh vừa mang lại”. Như vậy, sự trải nghiệm thực tế đã đem lại cho anh một bức tranh toàn bích khiến anh sung sướng. Đây chính là vẻ đẹp cuộc sống mang lại và bức tranh nghệ thuật đã chụp được khoảnh khắc thần kì của chiếc thuyền chài trong sáng tinh sương. Một phát hiện được đưa ra: cuộc sống chính là nghệ thuật, cái đẹp của bức tranh nghệ thuật cũng chính là cái đẹp của bức tranh cuộc sống, nó là hiện thực, không tô vẽ. Người nghệ sĩ nhiếp ảnh có tài chính là đi khám phá, tìm kiếm để chụp được cái thần thái tuyệt vời của bức tranh cuộc sống. Nguyễn Minh Châu qua nhân vật phát ngôn Phùng dẫn người đọc đến tình huống thứ năm.

2.2.5. Tình huống trải nghiệm đời thường: Đoạn văn bắt đầu “Ngay lúc ấy... một con dao găm”. Phùng “trong giây phút bối rối, tôi tưởng chính mình vừa khám phá thấy cái chân lí của sự toàn thiện”. Vậy đó có phải là sự toàn thiện? Thực tế diễn ra làm cho Phùng kinh ngạc. Tình huống thứ nhất: Người đàn ông và người đàn bà từ thuyền bước lên bờ và ông ta đánh vợ rất tàn nhẫn: “Chẳng nói chẳng rằng lão trút cơn giận như lửa cháy bằng cách dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp vào lưng người đàn bà, lão vừa đánh vừa thở hồng hộc, hai hàm răng nghiến ken két, cứ mỗi nhát quật xuống lão lại nguyền rủa bằng cái giọng rên rỉ đau đớn: “Mày chết đi cho ông nhờ. Chúng mày chết hết đi cho ông nhờ!”. Thế nhưng “Người đàn bà với một vẻ cam chịu đầy nhẫn nhục không hề kêu một tiếng, không chống trả, cũng không tìm cách trốn chạy”. Phùng định chạy đến để can ngăn nhưng thằng Phác, con trai của người đàn ông vũ phu và người đàn bà đã chạy nhanh hơn đến giằng lấy thắt lưng và quật thắt lưng vào “giữa khuôn ngực trần vạm vỡ cháy nắng” của ông bố. Ông ta giằng chiếc thắt lưng không được “liền giang thẳng cánh cho thằng bé hai cái tát khiến thằng nhỏ lão đảo ngã dúi xuống cát”. Khi người đàn ông đi ra biển về phía thuyền, người đàn bà “cảm thấy đau đớn - vừa đau đớn vừa vô cùng xấu hổ, nhục nhã” rồi ôm chầm lấy con trai gọi thẳng thốt. Trong trạng thái bối rối, hành động của bà đối với đứa con trai như vừa đồng tình với con nhưng vừa không đồng tình: “ôm chầm lấy nó rồi lại buông ra, chấp tay vái lấy vái để, rồi lại ôm chầm lấy”. Bà cầu khẩn van lơn đứa con đừng làm thế, để mặc mẹ chịu đựng một mình. Thằng bé làm thế vì thương và muốn bảo vệ mẹ mình nhưng có thể sẽ trở thành thù nghịch với cha. Điều đó có thể làm cho người đàn ông càng thêm trút giận lên vợ mình. Như nhận ra điều này, người đàn bà buông đứa con trai ra và

chạy về phía chồng như để nói rằng tôi vẫn theo ông dù ông đối xử với tôi thậm tệ, tôi không đứng về phía con trai để bỏ mặc ông.

Tình huống thứ hai: thằng Phác tỏ thái độ thù ghét Phùng, bực tức vì anh “đã trót có dịp biết được tất cả mọi việc trong nhà nó”. Mẹ nó không muốn các con chứng kiến bố chúng đánh mẹ nên nói với chồng ông đánh tôi thì lên bờ mà đánh thì nó cũng vậy, không muốn ai biết chuyện gia đình nó. Người Việt có châm ngôn “Tốt đẹp phô ra xấu xa đậy lại”, không ai muốn người ngoài biết cái xấu của mình, của gia đình mình. Việc gia đình tôi thì chúng tôi giải quyết, ông không được xen vào.

Tình huống thứ ba: Tình thế cũng như lần trước, người đàn ông và đàn bà dất nhau lên bờ và ông ta chuẩn bị đánh vợ thì lúc đó người con gái cũng theo sau. Người con gái là chị của Phác, cô không đi về phía cha mẹ mà chạy về phía Phác. Cô vật thằng em xuống cát và rút ra trong cặp quần thằng bé một con dao găm. Thì ra, cô gái đã biết trước ý định đại dột của đứa em trai mình. Nó căm ghét cha nó, bảo vệ mẹ nó mà có thể dùng con dao găm để xử cha nó cho mẹ nó đỡ khổ. Người chị đã có thái độ xử lí hợp tình. Chuyện ba mẹ là chuyện của người lớn, mình là phận con thì có thể hoặc đứng ngoài hoặc can ngăn chứ tuyệt đối không được làm điều gì bất hiếu. Thằng Phác vì thương mẹ mà bất hiếu với ba và lần này hành động của nó có thể dẫn đến nguy hiểm. Người chị đã hiểu lẽ đời hơn. Những cảnh trên là một bức tranh cuộc sống, bức tranh phía sau bức tranh đẹp huyền ảo.

2.2.6. Tình huống đánh giá, phán xử: Các đoạn văn từ “Đầu, anh bạn chiến đấu... sóng gió giữa phá”

a. Nguyễn Minh Châu đã thể hiện các điểm nhìn khác nhau về người đàn ông hàng chài

Foucault cho rằng tri thức hệ lại bao hàm tổng cộng các cấu trúc diễn ngôn hình thành từ sự tương tác của nhiều loại diễn ngôn đang lưu thông và được ủy quyền (authorised) ở một thời điểm xác định. Một tri thức hệ bao hàm các phương pháp luận mà một nền văn hóa mặc nhiên dựa vào đó để có thể tư duy về một số chủ đề nhất định [9, tr.52-77]. Trong văn bản “Chiếc thuyền ngoài xa” có hai loại tri thức hệ, một hệ tri thức của Phùng, chánh án Đầu và cô y tá là những người từng trải, quan hệ xã hội rộng, có học hành bài bản, có địa vị xã hội và một hệ tri thức của vợ chồng hàng chài, quan

hệ chỉ biết cuộc sống trên thuyền với nghề đánh cá, ít quan hệ và ít học. Hai hệ tri thức này lệch nhau, sự lệch này thể hiện qua đánh giá về con người và cuộc đời thể hiện qua điểm nhìn về bạo lực gia đình mà người gây ra là người đàn ông hàng chài.

Điểm nhìn của Phùng: Anh xông vào đánh người đàn ông để bảo vệ cho người đàn bà, anh cho rằng “Bất luận trong hoàn cảnh nào tôi cũng không cho phép hấn đánh một người đàn bà, cho dù đó là vợ và tự nguyện rúc vào trong xô bãi xe tăng kín đáo cho hấn đánh”. Phùng đánh giá người đàn ông “độc ác và tàn nhẫn nhất thế gian”. Anh căm ghét đến mức “nện hấn bằng tay không, nhưng cú nào ra cú ấy”. Vết thương của Phùng là kết quả cuộc ẩu đả giữa anh và người đàn ông hàng chài.

Điểm nhìn của chánh án Đầu: Lời thoại của Đầu: “Ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng. Cả nước không có một người chồng nào như hấn. Tôi chưa hỏi tội của hấn mà tôi chỉ muốn bảo ngay với chị: chị không sống nổi với cái lão đàn ông vũ phu ấy đâu. Chị nghĩ thế nào?”. Câu đầu kể về tội trạng của chồng người đàn bà, câu thứ hai nhận xét về mức độ phạm tội với vợ của hấn. Câu thứ ba chánh án kết luận và cũng là lời khuyên rằng chị không thể sống với ông chồng vũ phu ấy... Nội dung lời thoại thể hiện chánh án Đầu đánh giá người đàn ông tồi tệ nhất trong những người chồng, coi vợ như một thứ nô lệ mặc sức đánh đập.

Foucault cho rằng làm thế nào mà một số cá nhân lại có thể có quyền năng nói về chân lí? Những diễn ngôn của họ trở thành những diễn ngôn có hiệu lực và sức mạnh của chân lí? Ở đây có sự tham dự của các thiết chế xã hội - nhân tố đem lại quyền lực cho diễn ngôn [8, tr.51-52]. Thiết chế xã hội dân chủ và vị thế xã hội của chánh án Đầu cho phép anh có những phát ngôn quyền năng.

Điểm nhìn của cô y tá cơ quan Đầu: Phùng thuật lại thái độ của cô y tá: “kẻ lè bằng tất cả giọng phẫn nộ thối tàn nhẫn của dân đàn ông đánh cá trong vùng”. Còn chánh án Đầu thì nói: “dù sao thì đàn ông cũng cần, đôi khi rất cần” nhưng cô phản ứng ngay: “thà tôi làm gái già suốt đời!”, nghĩa là cô chấp nhận làm gái già không chồng còn hơn lấy loại đàn ông vũ phu. Với quan điểm của người phụ nữ chưa chồng, cô y tá không thể chấp nhận lấy một người chồng vũ phu, không thể cam chịu bị hành hạ để có một tấm chồng.

Đánh giá về người đàn ông hàng chài của Phùng và Đầu đều thống nhất. Với tư cách là người đàn ông, cả hai nhân vật này đều không thể chấp nhận hành động vũ phu tàn ác của người đàn ông hàng chài. Quan niệm về chung sống vợ chồng, cô y tá và Đầu khá tương đồng, cô y tá thì thà ở giá chứ không lấy chồng kiểu ấy còn Đầu thì nói người đàn bà hàng chài không thể sống nổi với loại đàn ông vũ phu ấy. Mặc dù có những cách thể hiện khác nhau nhưng cả ba nhân vật đều tương đồng về cách đánh giá người đàn ông hàng chài. Cả ba nhân vật đều thống nhất về quyền bình đẳng nam nữ, sự dân chủ và nhân văn cho nên có thái độ căm phẫn với hành động hành hạ người vợ, vượt qua giới hạn của sự vũ phu.

Trái với quan điểm trên, người đàn bà với chồng không những không căm ghét chồng mà còn cảm thông, thấy nguyên nhân khiến cho chồng mình có hành động vũ phu. Mặc dù người chồng vũ phu nhưng chị vẫn không muốn sống cùng chồng, như biết được ý định của chánh án Đầu, chị nói khản nài: “Quý tòa bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được, đừng bắt con bỏ nó”. Khi nghe Đầu nói “chủ trương nguyên tắc của chúng tôi là kêu gọi hòa thuận...” thì chị từ chỗ lo sợ khúm núm trở nên tự tin, hoạt bát, nói lời cảm ơn như được một ân huệ mình được hưởng. Theo chị “Lão chồng tôi khi ấy là một anh con trai cục tính nhưng hiền lành lắm, không bao giờ đánh đập tôi”. Như vậy, chồng không phải là người xấu mà là người hiền lành, chỉ do cục tính nên có khi không kiềm chế được nóng giận mà đánh vợ. Đáng ngạc nhiên là chị nhận hết lỗi về phía mình “nhưng cái lỗi chính là đám đàn bà ở thuyền đê nhiều quá, mà thuyền lại chật”. Đê nhiều quá là lỗi của cả chồng lẫn vợ và phần chồng nhiều hơn thì chị lại nhận lỗi về mình. Theo bà, người chồng không đến nỗi không thể sống được vì “ở trên chiếc thuyền cũng có lúc vợ chồng con cái chúng tôi sống hòa thuận, vui vẻ”. Nếu không hòa thuận vui vẻ sao có với nhau nhiều con đến thế.

Nếu cả ba nhân vật vừa nói trên nhìn nhận người đàn ông hàng chài với quan điểm về quyền con người thì người đàn bà hàng chài lại nhìn nhận vấn đề này theo quan điểm giữ gìn kết cấu gia đình theo mô hình Nho giáo mà người đàn ông có quyền lực đối với người vợ và các con cái của mình.

b. Nguyễn Minh Châu đã thể hiện các điểm nhìn khác nhau về người đàn bà hàng chài

Điểm nhìn của Phùng: Phùng cảm thấy căn phòng ngột ngạt khi nghe người đàn bà cầu xin với chánh án Đầu đừng bắt bà bỏ chồng. Phùng tỏ ra bức bối khi nghe người đàn bà nói “Lòng các chú tốt, nhưng các chú đâu có phải là người làm ăn...”, “cho nên các chú đâu có hiểu được cái việc của các người làm ăn lam lũ, khó nhọc”. Phùng thấy không dễ nghe khi người đàn bà ấy lại cho rằng mình và Đầu không hiểu hoàn cảnh của “của người làm ăn”. Câu nói hàm ý rằng các chú tốt đấy, lo cho tôi nhưng việc can thiệp của các chú không thay đổi được. Các chú không hiểu lí do vì sao người đàn ông hàng chài lại vũ phu như thế. Việc can thiệp của Phùng khiến xảy ra cuộc ẩu đả làm cho anh bị trầy xước mặt mày “đáng lẽ mặt phải biết ơn...” nhưng mặt lại cho đó là sự can thiệp không cần thiết. Khi nghe người đàn bà kể việc xin chồng đưa lên bờ mà đánh thì anh tỏ ra không tin nổi. Đúng là không thể hiểu nổi trên đời này có người đàn bà nào tự nguyện cho chồng đánh một cách tàn bạo.

Điểm nhìn của Đầu: Đầu nói “chị không sống nổi với cái lão đàn ông vũ phu ấy đâu”. Anh nghĩ rằng lần này thì chị không thể ở với con người vũ phu ấy và tưởng như chị sẽ đồng tình với anh. Nhưng đến khi nghe chị nói “các chú không phải là đàn bà, chưa bao giờ các chú biết như thế nào là nổi vất vả của người đàn bà trên một chiếc thuyền không có đàn ông” thì anh thể hiện bất lực, ngán ngẩm vì sự cam chịu, nhẫn nhục của người đàn bà hàng chài trước sự vũ phu tàn bạo của chồng. Cả Phùng và Đầu cũng đều thống nhất đánh giá về người đàn bà hàng chài là nhẫn nhục, cam chịu để người chồng đánh tàn bạo.

Người đàn bà hàng chài đánh giá “các chú không hiểu” là một thông điệp về hai nền tri thức khác nhau nên không thể hiểu nhau. Phùng và Đầu nhìn vấn đề từ bên ngoài, hiện tượng bạo lực gia đình nhưng người đàn bà nhìn từ người trong cuộc, mối quan hệ gia đình.

c. Nguyễn Minh Châu đã thể hiện các điểm nhìn khác nhau về cuộc sống gia đình hàng chài

Điểm nhìn của cô y tá luống tuổi thì không chấp nhận lấy chồng là người đàn ông vũ phu mà đàn ông hàng chài trong vùng đều như vậy cả. Hai người đàn ông là Phùng và Đầu thì đều cho người đàn bà hàng chài chấp nhận cho chồng đánh là không thể hiểu nổi và muốn chị không nên tiếp tục sống với người đàn ông vũ phu đến

tàn nhẫn. Cả ba nhân vật trên có điểm chung là không thể chấp nhận sống chung với người chồng vũ phu.

Riêng người đàn bà hàng chài thì chấp nhận người chồng vũ phu và xin tiếp tục được sống với hắn, khẩn khoản xin Đầu đừng buộc bà phải li hôn với hắn. Bà cho rằng Phùng và Đầu không hiểu cuộc sống vất vả của dân hàng chài, không hiểu trên thuyền “cần phải có người đàn ông để chèo chống phong ba, để cùng làm ăn nuôi nấng đặng một sắp con”. Vì cần người đàn ông để cùng mình nuôi con nên bà cố chịu đựng. Bà sống không phải vì chồng mà vì con “Ông trời sinh ra người đàn bà là để đẻ con, rồi nuôi con cho đến khi khôn lớn cho nên phải gánh lấy cái khổ. Đàn bà ở thuyền chúng tôi phải sống cho con chứ không thể sống cho mình như ở trên đất được!”. Bà thấy được bổn phận mà cũng là kiếp khổ của người đàn bà. Niềm vui, hạnh phúc của người đàn bà cũng hết sức nhỏ nhoi, đơn sơ là “Vui nhất là lúc ngồi nhìn đàn con tôi chúng nó được ăn no...”. Không dám mơ ăn sướng, chỉ mong ăn no thôi bởi có lúc các con bà ăn đói, không có cơm mà ăn “suốt hàng tháng, cả nhà vợ chồng con cái toàn ăn cây xương rồng luộc chấm muối!” Bà thấm cái nỗi cơ cực của gia đình hàng chài nên vì niềm vui hạnh phúc này mà bà cố chịu đựng mọi nỗi vất vả, tủi nhục. Sau khi nghe người đàn bà hàng chài phân trần, Đầu thấy “Một cái gì mới vừa vỡ ra trong đầu vị Bao Công của cái phố huyện vùng biển”. Phùng nhận thấy bạn đã hiểu ra và anh cũng đồng cảm nhận ra cái lí do vì sao mà người đàn bà hàng chài vẫn gắn bó với ông chồng vũ phu ấy. Thông điệp ở đây chỉ ra rằng nếu đặt mình vào hoàn cảnh của người khác thì sẽ thấu cảm nhưng nếu chỉ căn cứ vào lí thuyết quản lí xã hội thì sẽ không thể nào hiểu nổi những vấn đề trong quan hệ gia đình.

2.2.7. Tinh hướng kết thúc: Bắt đầu từ “Những tấm ảnh tôi mang về...” đến kết thúc tác phẩm. Ý tưởng nghệ thuật đã được thực hiện và trường phòng hải lòng về bức ảnh. Tấm ảnh trở thành tấm ảnh nghệ thuật được nhiều gia đình ưa thích. Riêng tác giả, người đã từng trải nghiệm cuộc sống thực tế và thời khắc chụp tấm ảnh thì thấy có hai mảng sáng tối. Mảng sáng là hình ảnh đầy lãng mạn “thấy hiện lên cái màu hồng hồng của ánh sương mai lúc bấy giờ”. Mảng tối là hình ảnh người đàn bà “thô kệch tấm lưng áo bạc phếch có miếng vá, nửa thân dưới ướt sũng, khuôn mặt rỗ đã nhợt trắng” khắc khổ, làm lui đi. Tinh hướng kết thúc này vừa khép vừa mở. Khép là sự thỏa mãn ý tưởng nghệ thuật, tấm ảnh đã chụp được thần thái tuyệt vời của cảnh chiếc thuyền

chài buổi sáng tinh mơ tuyệt đẹp. Nhưng mở là vấn đề gia đình của những người hàng chài khổ cực, tăm tối được giải quyết như thế nào và sẽ ra sao.

2.3. Thông điệp tác giả gửi gắm qua các tình huống truyện

2.3.1. Bạo lực gia đình

Bạo lực gia đình là một thực tế trong gia đình Việt nói chung và gia đình hàng chài nói riêng. Tình huống truyện thể hiện người chồng đánh vợ, người con căm tức cha mà đánh cha, cha đánh lại con. Bạo lực ấy do đông con dẫn đến nghèo đói, túng quẫn buộc người đàn ông phải làm việc cực nhọc dẫn đến người đàn ông hàng chài trút bực tức lên người vợ. Nhưng ông ta không thấy rằng việc đông con khiến mình khổ cũng do mình chứ không phải chỉ do vợ. Quan niệm của những gia đình hàng chài là cần đẻ nhiều con, nhất là con trai để có người kéo lưới, đánh cá. Đông con thì nghèo, nghèo lại càng muốn đông con để mong sao công việc đánh cá thuận lợi, cuộc sống sẽ khá giả hơn. Cái vòng luẩn quẩn cứ thế tiếp diễn với gia đình hàng chài. Đánh vợ con là bản tính cực cần, vũ phu của người đàn ông ít hiểu biết xã hội, chỉ quanh quẩn với chiếc thuyền và nghề đánh cá. Không phải ai khổ cực cũng đánh vợ con.

Người cha đánh vợ dẫn đến sự bất bình đối với các con mà nhất là đứa con trai. Phác căm phẫn trước việc cha đánh mẹ mình quá tàn ác đã phản ứng bằng việc đánh lại cha. Rồi cha cũng vì thế mà đánh con. Như vậy là phản ứng dây chuyền, bạo lực giữa cha và con. Phác cũng chính là phiên bản của cha mình, học theo tính cách của cha. Nếu cha bực tức vì hoàn cảnh gia đình nghèo khó túng quẫn mà đánh vợ thì Phác cũng bực tức cha nó đánh mẹ rồi cũng đánh lại cha mình. Và nếu như sau này Phác có gia đình, đối mặt với hoàn cảnh như cha mình thì Phác cũng hành động như vậy. Vòng luẩn quẩn cứ thế không thể nào giải thoát được.

Có phải do gia đình nghèo khó và cuộc sống lam lũ cực nhọc dẫn đến người đàn ông đánh vợ? Các chi tiết trong tình huống truyện thuyết minh cho điều đó. Tuy nhiên nguyên nhân sâu xa lại nằm trong tầng sâu văn hóa gia đình Việt. Trong tiềm thức người đàn ông thời hiện đại trong xã hội mới vẫn còn ý nghĩ rằng vợ con là tài sản của người chồng, người cha. Họ có quyền sở hữu, thụ hưởng và trừng phạt. Đó là dấu ấn ý thức hệ Nho giáo còn sót lại trong người đàn ông. Và tương tự, người đàn bà hàng chài cũng thấy mình bị lệ thuộc vào

chồng nên cam chịu như những người phụ nữ thời phong kiến cam chịu bị chồng ngược đãi.

2.3.2. Giải pháp chấm dứt vấn nạn bạo lực gia đình

Giải pháp bằng pháp luật: Căn cứ vào luật gia đình, người đàn ông hàng chài sẽ phải chịu tội nhưng như vậy, ngay người vợ bị ông chồng đánh đập không đồng ý bởi vậy thì ai làm nghề nuôi bầy con. Giải pháp của Đẩu đưa ra là khuyên người đàn bà bỏ chồng nhưng đàn bà không đồng ý bởi li hôn, gia đình li tán, ai đứng mũi chịu sào nuôi các con. Vì con mà bà không bỏ chồng.

Giải pháp bằng chính sách xã hội: Xã hội, cụ thể là chính quyền giúp gia đình thoát nghèo nhưng nghèo là số đông gia đình hàng chài, không phải chỉ một vài gia đình thì khó giải quyết. Không thể giải quyết nghèo đói khi mà các gia đình hàng chài quan niệm đẻ nhiều con.

Giải pháp nâng cao vị thế người phụ nữ: Trong truyện không thấy nhân vật đại diện cho chi hội phụ nữ, chỉ có lời cô y tá với quan điểm không lấy chồng kiểu đàn ông vũ phu. Người phụ nữ phải biết vai trò và giá trị của mình đối với gia đình và với người chồng. Không ai cứu mình bằng chính mình. Nguyên nhân để chồng đánh mình từ lần này đến lượt khác là người đàn bà quá nhẫn nhục, chịu lép một bề. Nếu bà phản ứng lại thì có thể người chồng sẽ chùn tay. Bà có thể nhờ bà con, nhờ hội phụ nữ, nhờ luật pháp khuyên can, răn đe. Đằng này bà lại nhận tất cả là do mình, cố tình phân bua giảm nhẹ tội cho chồng. Bà sợ chồng đánh mình trên thuyền ảnh hưởng đến con nên xin hấn đưa lên bờ mà đánh nhưng con bà vẫn biết. Vậy thì có con trên thuyền bảo vệ mẹ nó, ông chồng có dám đánh vợ tàn nhẫn như vậy không? Nguyên nhân sâu xa chính là bà sợ nếu để các con bà phản ứng, ông ta sẽ bỏ bà mà đi thì các con bà khổ, bà sẽ không có chồng nữa. Bản thân bà xấu, được có ông chồng và có những đứa con là ước nguyện lớn nhất của đời mình nên bà sợ mất chồng. Vì thế bà cố chịu đựng mặc dù bị đánh tàn nhẫn nhiều lần. Nỗi sợ mất chồng, gia đình li tán, các con sẽ khổ là nguyên do khiến người phụ nữ chịu đựng chồng bạo hành. Chính cái đức hi sinh của người phụ nữ cho gia đình, con cái đã làm cho họ phải khổ nhục.

Làm sao để nâng cao vai trò của người phụ nữ trong xã hội và gia đình, làm sao để người chồng không dám đánh vợ mà còn tôn trọng vợ là điều trăn trở mà truyện ngắn này đặt ra. Muốn giải thoát phụ nữ khỏi sự bạo hành của chồng thì cần phải giải phóng họ ra khỏi sự phụ thuộc vào chồng. Muốn vậy phải cho họ có nghề nghiệp, có vị thế xã hội để không phụ thuộc vào chồng.

Nhưng bản thân người phụ nữ hàng chài không học hành đến nơi đến chốn, thậm chí có người không biết chữ thì làm sao họ có nghề nghiệp, có vị trí xã hội?

Vấn đề sâu xa hơn nữa là tâm lý cộng đồng về vấn nạn bạo lực gia đình. Nếu cộng đồng phần nộ, lên án và có những cơ chế triệt tiêu bạo lực gia đình thì chồng bạo hành vợ có thể chấm dứt. Nhưng cộng đồng xã hội trong môi trường sinh sống đó, theo lời cô y tá thì gia đình hàng chài nào cũng có đàn ông đánh vợ. Như vậy, rõ ràng người đàn ông hàng chài trong truyện đánh vợ không phải là hiện tượng cá biệt. Cộng đồng cho đó là chuyện riêng gia đình, thậm chí ngay cả thành viên trong gia đình cũng không muốn người bên ngoài can thiệp thì vấn nạn bạo lực gia đình vẫn tiếp tục, không có biện pháp nào ngăn chặn được.

2.3.3. Luật pháp và đời sống

Nhân vật chánh án Đẩu làm chức năng khuyên giải chứ không thực hiện xử tội. Muốn xử tội thì phải có hội đồng, bên phạm tội và bên nạn nhân nhưng đây anh gặp từng người riêng lẻ. Có ý kiến cho rằng có sự vô lí ở đây. Với địa vị như Đẩu, đáng lẽ ra là phải hòa giải thì anh lại gọi ý chị xa rời người chồng vũ phu. Thực ra, đây là lần gặp thứ hai và chắc hẳn trước anh đã nói tình và lí nhưng ông chồng vẫn cứng nào tạt ấy. Có thể anh thử sự phản ứng của chị nhưng khi biết chị sợ anh bắt chị phải bỏ chồng thì anh lại đổi giọng “chủ trương nguyên tắc của chúng tôi là kêu gọi hòa thuận...”. Làm luật ở Việt Nam không phải chỉ có luật bởi đã luật thì không có tình nhưng vẫn hóa người Việt thì “một bề cái lí không bằng một tí cái tình”. Vì thế, có những vấn đề cần đem luật ra xử thì lại hòa giải nên luật pháp không thể giải quyết vấn nạn bạo lực gia đình. Mà hòa giải, khuyên can, răn đe không được thì cơ quan công quyền cũng đành bó tay.

Vấn đề nêu ra ở đây vẫn còn có chỗ cần suy ngẫm. Tại sao chánh án Đẩu lại chỉ làm việc với vợ chồng nhà hàng chài? Phùng và người con trai người hàng chài có vi phạm luật pháp? Đứa con trai có thể vẫn phải được giáo dục nhắc nhở vì cách ứng xử với cha mình. Phận làm con không được quyền đánh cha mình, thậm chí nguy cơ có hành động nguy hiểm. Phùng đánh người đàn ông hàng chài cũng vi phạm pháp luật. Anh không có quyền dùng nắm đấm để can thiệp chuyện dân sự. Thông điệp tác giả muốn nêu ra ở đây là không thể dùng bạo lực để ngăn cản bạo lực.

2.3.4. Vấn đề giữa nghệ thuật và cuộc sống

Muốn có sản phẩm nghệ thuật hoàn hảo thì người nghệ sĩ phải gắn bó, trải nghiệm cuộc sống. Cuộc sống là tư liệu cho nghệ thuật mà trong nhiếp ảnh thì người nghệ sĩ phải biết phát hiện và chớp đúng thần thái của cảnh vật. Nếu không có trải nghiệm thực tế đời sống thì ai cũng thấy bức tranh phản ánh đời sống thật đẹp biết bao. Tuy nhiên, giữa nghệ thuật và cuộc sống không phải bao giờ là một. Một mảng tối đằng sau khoảng sáng mà không phải ai cũng biết nếu không được trải nghiệm. Cuộc sống không phải bao giờ cũng đẹp như tranh, hoàn hảo toàn bích như nghệ thuật. Không có gì là hoàn hảo, toàn bích đặc biệt là nghệ thuật phản ánh từ cuộc sống. Cuộc đời không chỉ có màu hồng, lãng mạn mà có cả màu đen tăm tối.

3. Kết luận

Chu trình diễn ngôn của truyện “Chiếc thuyền ngoài xa” là các tình huống diễn ngôn nối kết nhau theo một mạch liên tưởng xuyên suốt. Từ diễn ngôn khai mở đến các diễn ngôn sau mà tình huống diễn ngôn trước dẫn dắt làm tiền đề cho diễn ngôn sau. Tình huống diễn ngôn cuối cùng khép lại một thông điệp nghệ thuật về hai mảng sáng tối trong nghệ thuật và trong cuộc sống. Truyện đưa ra thông điệp về mối quan hệ gia đình, giữa nghệ thuật và đời sống, giữa pháp luật và đời sống, giữa nghệ sĩ và trải nghiệm thực tế. Người nghệ sĩ nhiếp ảnh muốn có bức ảnh đẹp thỏa mãn ý tưởng nghệ thuật thì phải cần sự trải nghiệm đời sống. Đời sống thực tế không đẹp như tranh và giải quyết những vấn đề tồn tại của gia đình người Việt không chỉ đơn thuần bằng luật pháp.

Hình ảnh người phụ nữ khắc khổ, thô kệch làm lùi bước ra khỏi bức tranh là nỗi ám ảnh về thân phận của người đàn bà hàng chài nói riêng và trong gia đình Việt chung. Giải quyết vấn nạn bạo lực gia đình trong gia

đình hàng chài và thân phận người phụ nữ Việt là vấn đề được đặt ra nhiều hướng mở.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Duy Bình (2012). Diễn ngôn trong giao tiếp văn học. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN*, Khoa học Xã hội và Nhân văn, 28, 209-216.
- [2] Các lí thuyết diễn ngôn hiện đại: Phân tích đa ngành (Современные теории дискурса: мультидисциплинарный анализ- Екатеринбург: Издательский Дом “Дискурс-Пи”, 2006, 3-5). Người dịch: Lã Nguyên.
- [3] J.D. Johansen (2002). *Literary discourse: a semiotic-pragmatic approach to literature*. University of Toronto Press.
- [4] M. Jorgensen, L. Phillips (2002). *Discourse Analysis as a Theory and Method*. SAGE Publications Ltd.
- [5] Nguyễn Hoà (2003). *Phân tích diễn ngôn - một số vấn đề lí luận và phương pháp*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [6] Lê Đức Luận (2011). *Điểm nhìn nghiên cứu văn học*. NXB Đại học Huế.
- [7] M. Foucault (1977). *Discipline and Punish: The Birth of the Prison*. London: Allen Lane (Fr 1975), 27.
- [8] M. Foucault (1981). “The Order of Discourse” trong R. Yong (ed). *Untying the Texts: A Post - Structuralist Reader*, Routledge, London, 51-52.
- [9] Sara Mills (2004). *Discursive Structures trong Discourse*, Routledge, tr.52-77.
- [10] Sara Mills (2005). *Michel Foucault*. Taylor & Francis e-Library, 55.
- [11] Trần Đình Sử (2015). *Khái niệm diễn ngôn*. Tran Dinh Su Blog.
- [12] Trần Văn Toàn (2015). Dẫn nhập lí thuyết diễn ngôn của M. Foucault và nghiên cứu văn học. *Nghiên cứu văn học*, 5, 45-57.

THE DISCOURSE PROCESS IN “CHIEC THUYEN NGOAI XA” BY NGUYEN MINH CHAU

Abstract: The short story "Chiec thuyen ngoai xa" is a discourse process. The discourse process is expressed through seven plot situations, which include the discourse of the author and the discourse of characters. The introductory situation demonstrates artistic ideas. The following situations show interpersonal implications: the situation of artistic ideas, the situation of undergoing artistic ideas, the situation of undergoing daily life, the situation of evaluation and judgement.

The story deals with the relationships between law and life, arts and life as well as expresses concern for the problem of domestic violence and solutions to end domestic violence. The situation ends up putting forward the author's preoccupations with the fate of women in fishing villages in particular and life of seaside residents in general.

Key words: discourse process; plot situation; artistic ideas; situation of evaluation and judgement; domestic violence; the fate of women in fishing villages.